

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 261/2021/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Tập thể công ty vận tải đường sắt II, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

Nơi ở: Số 2/453 H, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Trần A, sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: Xóm 14, xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội

Nơi ở: Số 2/453 H, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trần A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trần A thống nhất xác định anh, chị có 02 con chung là cháu Trần Diệp Đông R, sinh ngày 22/10/2010 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 13/7/2014. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận chị D là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu R và cháu B. Anh A là bố có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị D là 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng)/01 tháng/02 cháu. Thời gian anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu R, cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị D và anh A thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0072712 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã S, Q, Hà Nội
(Số ĐKKH 17 ngày 26/02/2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Vp

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam